

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DSPT

Ngày: 23/01/2019

V/v “*Bồi thường thiệt hại
do danh dự, nhân phẩm,
uy tín bị xâm phạm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh

- *Các Thẩm phán:* Ông Võ Công Phương
Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “*Bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Đức T; Cư trú tại: Số nhà 12 đường Trần Quốc T, khu A B, thị trấn N M, huyện P, tỉnh Bình Định (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H; Cư trú tại: thôn Hòa H, xã C H, huyện P, tỉnh Bình Định (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Ngô Thế Q – Luật sư Công ty TNHH MTV N L – Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Hà Thị Cẩm V; Cư trú tại: Khu A T, thị trấn N M, huyện P, tỉnh Bình Định (có mặt).

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Đức T trình bày:

Cuối tháng 10.2017, chị Nguyễn Thị Thu H là Phó giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện P đã gửi đơn đến từng thành viên Ban thường vụ huyện ủy P vụ không ông có hành vi xâm sở chị H và có quan hệ nam nữ với chị Hà Thị Cẩm V (chị V là viên chức cùng cơ quan với ông).

Việc làm của chị H gây tổn hại đến uy tín, danh dự, phẩm giá của ông, phá hoại hạnh phúc gia đình ông và những người có liên quan. Bản thân ông là giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị có nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ đảng viên trên địa bàn huyện P nhưng vì việc vụ không của chị H đã làm tổn thất tinh thần của ông khiến ông không thể an tâm công tác. Ông yêu cầu Tòa buộc chị H phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín cho ông với mức 10 tháng lương tối thiểu.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và ông Võ Đức T là đồng nghiệp, công tác trong cùng một cơ quan Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện P. Ngày 10.10.2017 chị có gửi đơn đến Chi bộ Ban Tuyên giáo – Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện P để phản ánh nhiều vấn đề xảy ra trong nội bộ cơ quan Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện P trong đó có nội dung ông Võ Đức T có hành vi không đứng đắn với chị và có biểu hiện không minh bạch, không bình thường với chị Hà Thị Cẩm V – viên chức trong cơ quan. Đơn phản án của chị đến nay vẫn chưa được Ủy ban kiểm tra – huyện ủy P có kết luận. Chị không tố cáo ông T có quan hệ nam nữ với chị Hà Thị Cẩm V nên không đồng ý bồi thường cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Cẩm V trình bày:

Chiều thứ 6 khoảng 14h 45 ngày 04.8.2017 chị được giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện P giao nhiệm vụ làm vệ sinh phòng khách của cơ quan để phục vụ các thầy cô giáo về giảng dạy lớp Đại học quản lý nhà nước vào sáng thứ 7 ngày 05.8, dọn dẹp một lúc chị thấy xây xẩm đau đầu nên vào phòng giảng viên nằm nghỉ. Lát sau, giám đốc đứng ngoài phòng gọi rồi mở cửa vào hỏi chị sao không làm việc, chị nói chị bị mệt nên nằm nghỉ một lát; giám đốc hỏi han vài câu rồi bảo chị nằm nghỉ khi nào hết mệt thì tiếp tục làm việc. Sự việc chỉ có vậy nhưng chị H viết đơn tố cáo chị và ông T ở trong phòng khách với nhiều dụng ý, mục đích báo cáo cho các cơ quan và các ủy viên ban thường vụ huyện ủy biết giữa chị và giám đốc T có quan hệ nam nữ trong phòng khách.

Việc làm của chị H làm mất danh dự, uy tín, nhân phẩm, gây tổn thất tinh thần của chị nên chị yêu cầu chị H phải bồi thường thiệt hại cho chị về danh dự, uy tín, nhân phẩm với mức bồi thường bằng 10 tháng lương tối thiểu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 02.11.2018 của Tòa án nhân dân huyện P đã xử:

Chấp nhận một phần mức yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn ông Võ Đức T và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Cẩm V đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

Buộc chị H phải bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín cho ông Võ Đức T với mức bồi thường là 07 tháng lương cơ sở hiện nay do Nhà nước quy định với số tiền 9.730.000 đồng.

Buộc chị H phải bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín cho chị Hà Thị Cẩm V với mức bồi thường là 05 tháng lương cơ sở là 6.950.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 834.000 đồng.

Ngày 15.11.2018 bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H kháng cáo không chấp nhận việc bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín cho ông Võ Đức T và chị Hà Thị Cẩm V vì chị không có lỗi và không vụ khống ông T, chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H; sửa bản án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Cẩm V.

XÉT THẤY:

[1] Ông Võ Đức T, chị Nguyễn Thị Thu H và chị Hà Thị Cẩm V đều công tác tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện P, cả 03 người đều là đảng viên, cùng sinh hoạt tại Chi bộ Ban tuyên giáo – Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện P. Trong quá trình công tác và sinh hoạt chi bộ, do phát hiện một số biểu hiện sai phạm nên chị H đã gửi “Đơn phản ánh, kiến nghị” đến bí thư Chi bộ; Đảng ủy khởi các cơ quan Đảng – Đoàn thể và các ủy viên Ban thường vụ huyện ủy P trong đó có nội dung phản ánh về quan hệ đồng nghiệp giữa ông T (giám đốc) và chị V (nhân viên kế toán, văn thư) có những biểu hiện thiếu minh bạch, kéo dài gây dư luận không tốt, tạo ra sự đàm tiếu... Việc chị H là đảng viên gửi Đơn phản ánh đến các cơ quan Đảng là đúng theo quy định tại điểm 5.1 khoản 5 Điều 32 Quy định số 30 – QĐ/TW ngày 26.7.2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa XI về công tác kiểm tra giám sát và kỷ luật của Đảng. Nội dung đơn phản ánh của chị H chưa có tổ chức nào kết luận là đúng hay sai nhưng ông T đã khởi kiện chị H đến Tòa án yêu cầu chị H phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín cho ông. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, chị H đều khẳng định rằng chị không loan truyền thông tin đến những người ngoài tổ chức Đảng mà chỉ báo cáo với tổ chức Đảng trên tinh thần trách nhiệm của người đảng viên. Theo tiết 5.1.1 điểm 5.1 khoản 5 Điều 32 Quy định số 30 – QĐ/TW ngày 26.7.2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII quy định rõ việc tổ chức Đảng phải bảo đảm bí mật cho người tố cáo... và bảo vệ người tố cáo chính vì vậy nội dung đơn phản ánh của chị H được Chi bộ Ban Tuyên giáo – Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện P, Đảng ủy khởi các cơ quan Đảng – Đoàn thể và các đồng chí ủy viên Ban thường vụ huyện ủy P không tiết lộ ra bên ngoài nên ngay cả “Đơn phản ánh, kiến nghị”

của chị H, ông T cũng phải đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ tại Ủy ban kiểm tra huyện ủy P; ông T, chị V cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh rằng chị H đã loan truyền, phát tán thông tin nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của ông và chị V nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc chị H phải bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho ông T, chị V và bồi thường tổn thất tinh thần cho ông T, chị V là không có căn cứ, không đúng với quy định tại Điều 584, Điều 585 và Điều 592 Bộ luật Dân sự vì vậy Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Cẩm V.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Võ Đức T, chị Hà Thị Cẩm V không phải chịu.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu quan điểm pháp lý đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Đức T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Cẩm V đòi chị Nguyễn Thị Thu H phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H; bác yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Đức T đòi chị Nguyễn Thị Thu H phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 584, 585 và 592 Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H; Sửa bản án sơ thẩm.

1. Bác yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Đức T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Cẩm V đòi chị Nguyễn Thị Thu H phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Đức T và chị Hà Thị Cẩm V được miễn nộp.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu. Chị H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004094 ngày 16.11.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nghĩa Võ Công Phương

Hồ Tuấn Anh

ở gắn liền với đất của vợ chồng ông Ung Văn Sâm và bà Nguyễn Thị Lan Phương đối với thửa đất số 28C, tờ bản đồ số 16 tại tổ 33, khu vực 7, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn (số nhà 189/3 Phan Bội Châu, Quy Nhơn, Bình Định). Nhà, đất này bà Nguyễn Thị Lan Phương đã được UBND thành phố Quy Nhơn cấp Giấy chứng nhận số CH00267 ngày 09/10/2012. Ngày 15/01/2013 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Quy Nhơn đã xác

nhận chuyển nhượng toàn phần sang tên cho vợ chồng ông Yên. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất và bản Trích đo hiện trạng thể hiện đường luồng có diện tích 34,2m² (chiều rộng 0,95m; chiều dài 36m) là lối đi chung của 03 hộ gồm: hộ bà Lê Thị Ánh Mai (đã tặng cho con Nguyễn Hồng Đức), hộ ông Lê Đức Ái và hộ bà Nguyễn Thị Lan Phương. Điều này phù hợp với lời khai của ông Ái, bà Mai và bà Phương rằng tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho giữa bà Mai, ông Ái, bà Phương thì tất cả đều thỏa thuận mở lối đi chung cho cả 03 nhà theo bản “trích đo hiện trạng”; kèm theo hợp đồng tặng cho là sơ đồ tách thửa

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông ... được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông ... không phải chịu.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Trương; sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Án phí dân sự phúc thẩm:

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.